

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: **95/2019/HSST**
Ngày: 28/11/2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cảnh**

Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Phi Hùng**
Ông **Trương Công Khánh**
Ông **Huỳnh Hưng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Kiều Trang** – Thư ký TAND Tp. Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 112/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Ngọc H, sinh ngày 21 tháng 01 năm 1996 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKKHKT: Tổ 40, phường C, quận H, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: Tổ 20, phường M, quận L, thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông: Trần T (c) và bà Võ Thị Dạ T, gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2; Sống chung như vợ chồng với bà Nguyễn Thị H2; Tiền án, tiền sự: Chưa;

Nhân thân:

- Ngày 19/4/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tuyên phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày 19/4/2012 về tội “Cướp giật tài sản” theo Khoản 2 Điều 136 BLHS năm 1999 (BA số 96/2012/HSPT ngày 19/4/2012). (Phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi).

- Ngày 16/8/2013 bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS. (Phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi). Ra trại ngày 25/4/2015.

- Ngày 06/9/2016 bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng. (Quyết định số 63/2016/QĐ-TA). Chấp hành xong ngày 15/6/2017.

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 08/8/2019. Có mặt.

2. Trần Duy Đ, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1995 tại Tp Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 06 (cũ) 15 (mới), phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông: Trần Anh P và bà Nguyễn Thị T4 H; Gia đình có 04 anh em; Bị cáo là con đầu; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Nhân thân:

- Ngày 30/10/2019 bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 6 Điều 134 BLHS.

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 07/8/2019. Có mặt.

* **Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc H**: Luật sư **Nguyễn Tấn Bắc** - Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Tấn, T4ộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* **Người bào chữa cho bị cáo Trần Duy Đ**: Luật sư **Lê Hữu Phúc** – Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo theo luật định. Có mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

- Bà **Đỗ Thị N**, sinh năm 1972 – Nơi cư trú: Đường P, tổ 37, phường G, quận K, Tp. Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà **Nguyễn Thị H2**, sinh ngày: 06/01/1998 – Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở: Tổ 20, phường M, quận L, Tp. Đà Nẵng. Có mặt.

- Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1955 – Nơi cư trú: Tổ 38, phường V, quận K, Tp. Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà **Trần Thị Ngọc H1**, sinh ngày: 28/5/1993 – Nơi ĐKKHKT: Tổ 40, phường C, quận H, Tp. Đà Nẵng; Chỗ ở: Tổ 20, phường M, quận L, Tp. Đà Nẵng. Có mặt.

- Anh **Diệp Bình M**, sinh năm: 1988; Trú tại: Đường U, phường B, quận E, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

* **Người chứng kiến**:

- Anh **Ngô Văn T2**, sinh năm 1957 – Nơi cư trú: Tổ 29, phường D, quận K, Tp. Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Anh **Đinh Văn V**, sinh năm 1998 – Nơi cư trú: Đường I, quận S, Tp. Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Anh **Mai Công L**, sinh năm 1994 – Nơi cư trú: Xã O, huyện Q, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16h00' ngày 07/8/2019, tại trước số nhà đường R, quận K, TP Đà Nẵng, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an TP Đà Nẵng bắt quả tang Trần Duy Đ đang có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy. Tang vật T4 giữ:

- 01 bao nylon màu trắng KT (28x17)cm bên trong có chứa các viên nén màu xanh (Ký hiệu A1).
- 01 bao nylon màu trắng KT (8x12)cm bên trong có chứa các tinh thể rắn màu trắng (Ký hiệu A2).
- 01 túi xách màu đen.
- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu trắng sim số: 0935.25xxxx
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đỏ sim số: 0905.63xxxx.
- 01 CMND số 201.66xxxx mang tên Trần Duy Đ.
- Số tiền 500.000đ
- 01 tờ vé máy bay của hãng hàng không X1 mang tên Trần Duy Đ đi từ Đà Nẵng đến thành phố Hồ Chí Minh.

Vào lúc 12h00' ngày 08.8.2019, tại Công an phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Cơ quan CSĐT – Công an TP Đà Nẵng thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Ngọc H. Tang vật tạm giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng sim số: 0702.67xxxx.
- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen sim số: 0777.55xxxx và 0898.23xxxx.
- Số tiền 1.500.000đ.
- 01 xe mô tô BKS: 43D1-66xxx.

Qua điều tra xác định được:

Trong khoảng thời gian tháng 5/2019, thông qua đối tượng tên Q (chưa rõ nhân thân lai lịch), Trần Ngọc H biết đối tượng tên C (chưa rõ nhân thân lai lịch) bán ma túy. Q bảo H có nhu cầu mua ma túy thì liên hệ với C, H đồng ý. Q lấy số điện thoại của H đưa cho C để liên lạc.

Ngày 01/8/2019, C liên lạc qua điện thoại di động với H hỏi H có mua ma túy không, H đồng ý mua. Hai bên thỏa T4ận giá 900 viên T4ốc lắc và 30gam ma túy ketamin là: 165.000.000đ (trong đó: 160.000đ/01 viên T4ốc lắc và 700.000đ/01 gam ketamin) nhưng H nói H chưa đủ tiền. C nói cứ chuyển tiền trước cho C có gì C tạo điều kiện thêm cho H làm ăn (có nghĩa là C sẽ gửi thêm ma túy cho H), H đồng ý. H thông qua đối tượng tên T3 (chưa rõ nhân thân, lai lịch – là người của C) chuyển tiền cho C 02 lần. (Lần 1: Vào khoảng ngày 03/8/2019, H chuyển số tiền là: 125.000.000đ tại khu vực gần nhà H. Lần 2: Vào khoảng ngày 05/8/2019 H tiếp tục chuyển giao cho

T3 số tiền là: 40.000.000đ tại khu vực bệnh viện X TP Đà Nẵng). Sau khi nhận tiền xong, C gọi điện thoại lại nói với H đã nhận được tiền và bảo H cho người vào nhận ma túy, H đồng ý.

Vào khoảng 18h ngày 05/8/2019, tại tổ 20, phường M, quận L, TP Đà Nẵng, H nhờ Trần Duy Đ vào thành phố Hồ Chí Minh gặp C lấy ma túy mang về cho H, Đ đồng ý. Sau đó, H đặt vé máy bay cho Đ, đưa cho Đ số tiền: 1.500.000 đ và chuyển số điện thoại của C (hiện nay không nhớ số) qua cho Đ để Đ liên lạc. Khoảng 00h30' ngày 06/8/2019, Đ vào đến thành phố Hồ Chí Minh, Đ sử dụng số 090563xxxx gọi điện thoại cho C qua số điện thoại mà H đưa (hiện nay không nhớ số), C nghe điện thoại và nói Đ đi xe taxi đến đường Y, quận E, thành phố Hồ Chí Minh để gặp, Đ đồng ý. Khi Đ đến địa chỉ trên thì C ra mở cửa đưa Đ vào nhà và dẫn Đ lên tầng 2 gặp T4 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đang sử dụng ma túy. Khoảng 30 phút, T4 hỏi Đ: là người của H vào nhận ma túy phải không? Đ gật đầu. Sau đó, Đ cùng sử dụng ma túy với T4, rồi ngủ tại đó. Đến khoảng 15 giờ ngày 06/8/2019, Đ dậy điện thoại cho H bảo H điện thoại cho C nói C giao ma túy cho Đ để Đ cầm về. H đồng ý. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, H điện thoại lại cho Đ báo chuẩn bị nhận ma túy. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T4 và C đi vào phòng ở tầng 2 của nhà đường Y, quận E, thành phố Hồ Chí Minh gặp Đ. T4 cầm một vỏ hộp dùng để đựng điện thoại di động hiệu Iphone, T4 mở hộp ra cho Đ nhìn thấy các viên thuốc lắc màu xanh. T4 nói với Đ hộp chứa 1.000 viên thuốc lắc. T4 đưa hộp chứa ma túy cho C và C giao qua cho Đ. Sau khi Đ nhận thuốc lắc xong, T4 nói Đ nhắn tin báo cho H biết, lát nữa nhận “Ke”. Đ nhắn tin cho H với nội dung “mới nhận 1.000 nút, chừ xuống lấy Ke xong bung về luôn”. Khoảng 30 phút sau, tại tầng 01 của nhà đường Y, quận E, thành phố Hồ Chí Minh, C và T4 tiếp tục giao cho Đ 01 gói ma túy loại ketamin. Nhận ma túy xong, Đ cất ma túy vào trong túi xách rồi ra bến xe A1 bắt xe khách M1 về thành phố Đà Nẵng. Khi về đến địa phận thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam thì Đ nhắn tin báo cho H biết là Đ đã tới thành phố Tam Kỳ và nói H ra đón Đ tại quán bún L1 đường R, thành phố Đà Nẵng. Đến 16h00' ngày 07/8/2019, Đ về đến trước nhà đường R, thành phố Đà Nẵng thì bị bắt quả tang.

Mục đích H mua ma túy về để bán lại kiếm lời. Đ biết mục đích mua bán ma túy của H nhưng vẫn đồng ý đi nhận ma túy giúp H.

Tại Kết luận giám định số: 226/GĐ-MT ngày 14/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công an thành phố Đà Nẵng. Kết luận:

- Viên nén màu xanh ký hiệu A1 gửi giám định đều là ma túy, loại MDMA; khối lượng mẫu A1: 288,65 gam.

- Tinh thể rắn màu trắng ký hiệu A2 gửi giám định đều là ma túy, loại ketamin; khối lượng mẫu A2: 99,882 gam.

Bản cáo trạng số 70/CT-VKS-P1 ngày 14/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Trần Duy Đ, Trần Ngọc H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Trần Duy Đ, Trần Ngọc H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 20 năm tù.

- Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Duy Đ từ 19 đến 20 năm tù.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trần Ngọc H, Trần Duy Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và thừa nhận tội danh như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo là đúng. Các bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Trần Duy Đ, Trần Ngọc H thống nhất về tội danh của các bị cáo như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố. Các luật sư đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình bị cáo H có công cách mạng. Bị cáo Đ phạm tội với vai trò giúp sức, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đã tích cực hợp tác trong quá trình điều tra để làm rõ vai trò của đồng phạm trong vụ án. Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 BLHS, xử phạt các bị cáo mức án thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại

phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua xem xét lời khai nhận của các bị cáo; quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, luận cứ bào chữa của Luật sư và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Trong đầu tháng 8/2019, thông qua đối tượng tên Q (chưa rõ nhân thân lai lịch), Trần Ngọc H đã mua 288,65 gam ma túy loại MDMA và 99,882 gam ma túy loại ketamin của đối tượng tên C, T4 (chưa rõ nhân thân lai lịch) tại thành phố Hồ Chí Minh với giá 165.000.000đ nhằm mục đích để bán lại kiếm lời. Sau đó, Trần Ngọc H nhờ Trần Duy Đ vận chuyển từ thành phố Hồ Chí Minh về Đà Nẵng. Đ biết Trần Ngọc H mua ma túy về để bán lại cho người khác nhưng Đ vẫn đồng ý vào TP. Hồ Chí Minh nhận ma túy mang về cho H. Vào lúc 16h00' ngày 07/8/2019, khi Trần Duy Đ mang ma túy nói trên về đến trước số nhà đường R, quận K, thành phố Đà Nẵng thì bị bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo Trần Ngọc H, Trần Duy Đ đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự, như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố là có căn cứ, đúng tội.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng. Các bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy và Nhà nước nghiêm cấm việc tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy nhưng các bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với số lượng rất lớn. Số lượng ma túy thu giữ của các bị cáo ở vụ án này là 288,65 gam ma túy loại MDMA và 99,882 gam ma túy loại ketamin. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Do đó đối với các bị cáo cần phải xử phạt nghiêm và cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, bị cáo Trần Ngọc H là người cầm đầu, đóng vai trò chính, bị cáo là người bỏ tiền ra và chủ động liên hệ giao dịch với người tên C để mua ma túy với số lượng lớn, bị cáo cũng là người rủ rê, lôi kéo bị cáo Đ tham gia vào việc phạm tội, H đã yêu cầu Đ vào thành phố Hồ Chí Minh nhận ma túy về cho mình để bán. Bị cáo có nhân thân xấu, từng bị xử phạt về tội “Cướp giật tài sản”, “Trộm cắp tài sản” và bị xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án và mức hình phạt của bị cáo cao hơn bị cáo Đ.

Bị cáo Trần Duy Đ là người giúp sức tích cực cho H, trực tiếp vào thành phố Hồ Chí Minh nhận ma túy mang về cho H. Về nhân thân, ngoài phạm tội ở vụ án này bị cáo còn phạm tội ở vụ án khác đã bị xét xử 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương

tích”. Vì vậy, đối với bị cáo cũng cần phải xử phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên, xét thấy trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối cải. Hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn. Bị cáo Đ bị H rủ rê lôi kéo, phạm tội với vai trò giúp sức. Sau khi bị bắt bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo H trong vụ án này và kết thúc nhanh vụ án. Do đó, HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cho các bị cáo. Riêng bị cáo Đ được áp dụng thêm khoản 1 Điều 54; Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo dưới mức khởi điểm của khung hình phạt như đề nghị của Luật sư là cũng thỏa đáng.

Ngoài hình phạt chính ra cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với các bị cáo Trần Ngọc H, Trần Duy Đ.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với mẫu ma túy hoàn trả sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói; 01 túi xách màu đen; sim số: 0702.67xxxx, 0905.63xxxx, 0777.55xxxx và 0898.23xxxx không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 ĐTDĐ NOKIA màu đen, 01 ĐTDĐ Iphone màu đỏ là công cụ phương tiện phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với số tiền 2.000.000đ (Đ: 500.000đ; H: 1.500.000đ) và 01 ĐTDĐ hiệu NOKIA màu trắng sim số 0935.25xxx thu giữ của các bị cáo cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành.

- Đối với 01 CMND số 201.66xxxx mang tên Trần Duy Đ. Đây là giấy tờ tùy thân nên hoàn trả lại cho bị cáo Đ.

- Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 tờ vé máy bay của hãng hàng không X1 mang tên Trần Duy Đ đi từ Đà Nẵng đến thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng thuộc sở hữu của chị Trần Thị Ngọc H1 (sinh năm 1993, trú: Tổ 20, phường M, quận L, TP Đà Nẵng) cho Trần Ngọc H mượn. Chị H1 không biết H mua bán ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an TP Đà Nẵng đã trả lại cho chị H1 là phù hợp, HĐXX không xem xét.

Đối với xe mô tô BKS: 43D1-66xxx, do chị Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1955, trú: Tổ 38, phường V, quận K, TP Đà Nẵng) đứng tên chủ sở hữu, nhưng chị T1 đã cho Thái Bá T5 (sinh năm 1983, trú: Tổ 39 phường V, quận K, TP Đà Nẵng) – là con trai. T5 mang xe trên cầm cho chị Đỗ Thị N (sinh năm 1972, trú: Tổ 37 phường G, quận K, TP Đà Nẵng) nhưng đến hạn không chuộc lại. Chị Đỗ Thị N cho chị Nguyễn Thị H2 (sinh năm 1998, trú: Tổ 20 phường M, quận L, TP Đà Nẵng) thuê để làm phương tiện đi lại. Chị Nguyễn Thị H2 cho Trần Ngọc H mượn xe đi sinh nhật, không biết hành vi mua bán ma túy của Trần Ngọc H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an TP Đà Nẵng đã trả lại xe trên cho chị Đỗ Thị N là phù hợp, HĐXX không xem xét.

[5] Về các đối tượng liên quan trong vụ án:

- Đối với các đối tượng tên: Q, T4, C hiện chưa rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP Đà Nẵng tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau, HĐXX không đề cập.

- Đối với chị Trần Thị Ngọc H1 (sinh năm 1993, trú: Tổ 20, phường M, quận L, TP Đà Nẵng) có hành vi cho Trần Ngọc H mượn điện thoại di động và Nguyễn Thị H2 (sinh năm 1998, trú: Tổ 20, phường M, quận L, TP Đà Nẵng) có hành vi cho Trần Ngọc H mượn xe BKS: 43D1-66xxx nhưng không biết Trần Ngọc H mua bán ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Đà Nẵng, Viện kiểm sát không đề cập hình thức xử lý đối với hai người này là phù hợp, HĐXX không xem xét.

- Đối với Diệp Đình M (sinh năm 1988, trú: đường U, phường B, quận E, TP Hồ Chí Minh) – là người quản lý, sử dụng ngôi nhà tại địa chỉ đường Y, quận E, TP Hồ Chí Minh, tuy nhiên không biết các đối tượng sử dụng căn nhà trên để mua bán ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an TP Đà Nẵng, Viện kiểm sát không xử lý là phù hợp, HĐXX không xem xét.

[6] **Về án phí:** Các bị cáo Trần Duy Đ, Trần Ngọc H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Ngọc H, Trần Duy Đ phạm tội “***Mua bán trái phép chất ma túy***”.

1. Căn cứ vào: Điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015.

Xử phạt: Trần Ngọc H 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, 08/8/2019.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Ngọc H số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

2. Căn cứ vào: Điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 BLHS 2015.

Xử phạt: Trần Duy Đ 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, 07/8/2019.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Duy Đ số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tuyên tịch thu tiêu hủy số mẫu ma túy hoàn trả sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói; 01 túi xách màu đen; sim số: 0702.675.266, 0905.634.263, 0777.559.575 và 0898.231.465.

- Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 ĐTDĐ NOKIA màu đen, 01 ĐTDĐ Iphone màu đỏ.

- Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 ĐTDĐ hiệu NOKIA màu trắng sim số 0935.25xxxx; số tiền 2.000.000đ (đã được chuyển vào tài khoản của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng tại Kho bạc nhà nước Đà Nẵng theo giấy nộp tiền ngày 15/11/2019).

- Trả lại cho bị cáo Trần Duy Đ 01 CMND số 201.66xxxx.

- Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 tờ vé máy bay của hãng hàng không X1 mang tên Trần Duy Đ đi từ Đà Nẵng đến thành phố Hồ Chí Minh.

(Toàn bộ số vật chứng hiện Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/11/2019).

4. Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, các bị cáo Trần Ngọc H, Trần Duy Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATPĐN;
- Phòng PC 47- CATPĐN;
- Cục THA TP Đà Nẵng;
- Trại giam Hòa Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cảnh